

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 4 -2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức và ông Trần Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Chí Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX ST – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số: 07/TB-TA ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1995

Trú tại: Khu S, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị L – Luật sư của công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Hà Thanh thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt;

Bị đơn: Anh Đinh Công H, sinh năm 1992. Có mặt.

ĐKKHKT: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Hiện ở tại: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ,nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đinh Công H vào ngày 30-5-2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà trọ thuộc phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 9-2018 chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ tại khu S, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có đánh chị và không cùng chị làm ăn, xây dựng kinh tế. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai bên đã sống ly thân từ tháng 10-2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Công H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Đinh Tuấn K, sinh ngày 03-11-2018. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định có đủ điều kiện nuôi con vì hiện nay bố mẹ đẻ chị có làm thêm 01 căn nhà xây 2 tầng cho chị ở tại khu S, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Mặt khác, chị đang làm nhân viên của ty TNHH CRESYN Hà Nội, thu nhập chính là 7.500.000 đồng + thu nhập khác, tổng lương được khoảng 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng, với công việc hành chính nên chị có thể đưa đón con đi học, chị đã cho cháu Kiệt theo học tại trường mầm non Hoa Mặt trời. Khi anh H đón con đã đưa cháu về nhà ông bà nội ở thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái, cháu không được đi học và ở nhà với ông, bà nội, chị đã lên đón để đưa cháu về Bắc Ninh để đi học nhưng ông bà nội cản trở.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Đinh Công H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị G trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị G mãi chơi, thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến gia đình chồng con. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10-2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị G không còn và nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Đinh Tuấn K, sinh ngày 03-11-2018. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ

18 tuổi và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định có đủ điều kiện nuôi con vì hiện nay anh có nghề nghiệp làm đầu bếp, thu nhập lương được 15.000.000 đồng/tháng và thu nhập khác được khoảng 2.000.000 đồng/ tháng. Làm việc 8 giờ/ngày, thời gian từ 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều, anh có thể bố trí thời gian đưa đón con đi học. Vào khoảng tháng 3-2021 chị G có làm đơn ly hôn, anh không đồng ý và do tình hình dịch bệnh covid nên anh đưa cháu về ở cùng với ông bà nội tại thôn Yên T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Sau đó, anh lại tiếp tục về Bắc Ninh làm việc và hiện đang ở trọ tại khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Trong trường hợp anh được quyền nuôi con anh sẽ đưa cháu về ở cùng và cho cháu đi học.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Trần Thị L trình bày ý kiến và đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Đinh Công H đều xác định tình cảm không còn và nhất trí ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận; Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị G có đủ điều kiện nuôi con thể hiện chị G có việc làm, có thu nhập ổn định, có chỗ ở. Mặt khác, tính đến thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cháu K còn nhỏ, mới được 38 tháng nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Anh H hiện nay chưa có nhà ở ổn định, từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh H không trực tiếp nuôi con mà lại giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện nuôi con và quy định của pháp luật về việc ưu tiên phụ nữ, trẻ em trong giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của chị G cần giao cháu Đinh Tuấn K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G để xử cho chị

Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Đinh Công H. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Tuấn K, sinh ngày 03-11-2018 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật. Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Đinh Công H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2]. *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị G và anh Đinh Công H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh ngày 30-5-2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G và anh H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mặc dù, hai bên đã tự hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Đinh Công H.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị G và anh Đinh Công H đều xác định vợ chồng có một con chung là Đinh Tuấn K, sinh ngày 03-11-2018. Chị G và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị G và anh H là chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án, chị G và anh H đều đưa ra chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của mình là có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Hiện nay, chị G được

bố mẹ đẻ cho ở 01 nhà xây 02 tầng (có đơn xác nhận của ông Nguyễn Phương Q và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của chị G có xác nhận của UBND phường K), anh H hiện ở thuê trọ tại khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chị G và anh H đều có điều kiện, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Đình Tuấn K còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần giao cháu K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về chia tài sản và nợ chung: Chị G và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hướng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Đình Công H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đình Tuấn K, sinh ngày 03-11-2018 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0001513 ngày 05-10-2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị G đã nộp đủ).

Chị Nguyễn Thị G, anh Đình Công H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga